

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày: 27 – 04 – 2023
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại
do tài sản bị xâm phạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Hoàng Mai.
2. Bà Phan Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 320/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1940.

Địa chỉ: tổ 11, ấp MK 2, xã MH, thành phố LX, tỉnh A (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: tổ 12, ấp MK 2, xã MH, thành phố LX, tỉnh A (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: tổ 11, ấp MK 2, xã MH, thành phố LX, tỉnh A (có mặt).

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1941.

Địa chỉ: tổ 22, ấp MH 2, xã MH, thành phố LX, tỉnh A (vắng mặt).

3.3. Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1945.

Địa chỉ: tổ 11, ấp MK 2, xã MH, thành phố LX, tỉnh A (có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/09/2022, bản khai ngày 20/09/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Ngày 25/07/2022, bà Nguyễn Thị L là hàng xóm có xin hỏi đồn 1 đến 2 cây tre của ông M đã ngã qua nhà của bà L, ông M đồng ý. Cùng ngày, bà L thuê ông Hồ Văn H là người cùng xóm đã tự ý chặt đồn toàn bộ bụi tre. Sự việc phát sinh tranh chấp, được ấp MK 2, xã MH, thành phố LX giải quyết nhưng không thành. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với số tiền 8.000.000 đồng/111 cây tre.

Để có căn cứ giải quyết ông M yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ, cụ thể: Ông M yêu cầu công ty định giá xác định giá trị thiệt hại tài sản nhưng Công ty Cổ phần định giá Trị Việt từ chối. Ông M tiếp tục yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, thể hiện theo biên bản ngày 04/01/2023. Trong đó, các Bn thống nhất kiểm đếm xác định gồm có 30 cây tre bị chặt, đồn; có kích thước từ 3-6m, mỗi cây tre có độ cao 5-6m, có độ tuổi 10 năm, về hiện trạng bụi tre tồn tại 106 gốc. Ông M yêu cầu Tòa án căn cứ vào biên bản 04/01/2023 để giải quyết vì phía bị đơn thừa nhận và thống nhất chặt đồn 30 cây tre và giá trị thiệt hại Hội đồng định giá ngày 28/02/2023, 70.000đ/cây tre.

Tuy nhiên, sau đó ông M thay đổi ý kiến, không đồng ý kết quả kiểm đếm, lẽ ra là 106, không phải 30 cây. Về kết quả định giá, mặc dù ông M đồng ý 70.000đ nhưng yêu cầu Tòa án hỗ trợ về thời gian trong hạn 15 ngày kể từ ngày 20/03/2023 để ông cung cấp, bổ sung các tài liệu, chứng cứ xác định giá trị tài sản tranh chấp mỗi cây tre lớn hơn 70.000đ, quá thời gian ông không cung cấp các tài liệu, chứng cứ hoặc định giá lại thì ông yêu cầu Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết. Ông M yêu cầu bà L và ông H tôn trọng sự thật thực tế bụi tre bị chặt đồn 106 cây, về giá trị thiệt hại 8.000.000đ. Tuy nhiên, đến nay ông M không cung cấp tài liệu, chứng cứ bổ sung, không yêu cầu định giá bổ sung, kiểm đếm số lượng các cây tre bị chặt đồn và không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 09/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây, bà có yêu cầu ông M chặt, đồn các cây tre trông giáp ranh, liền kề với căn nhà của bà L. Ông M đồng ý cho chặt đồn do các cây tre de (va đập) vào mái nhà (tole) của bà L gây tiếng ồn khi có gió, mưa lớn. Vì hoàn cảnh nhà đơn chiếc nên bà L có nhờ ông Hồ Văn H chặt đồn khoảng 5-6 cây tre nhưng ông H đã chặt, đồn với số lượng lớn hơn thỏa thuận là có sự đồng ý của ông M. Được biết bụi tre lớn nên ông H có nhờ người phụ giúp là ông Nguyễn Văn B. Thực tế, ông H và ông B có chặt đồn tre của ông M với số lượng theo yêu cầu của bà L là 5-6 cây. Giá thuê ông H và ông B là

600.000đ, sau đó có bồi dưỡng thêm số tiền 200.000đ, tổng cộng là 800.000đ ông H trực tiếp nhận. Do đó, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Trong quá trình Tòa án giải quyết các Bn đã thống nhất xác định ông H và ông B có chặt, đốn bụi tre đã qua kiểm đếm hiện trạng là 106 gốc, nhưng các Bn chỉ thống nhất chặt đốn 30 cây tre, có chiều dài 3-6m, có độ cao 5-6m và có độ tuổi là 10 năm. Bà L thừa nhận và xác định đồng ý bồi thường 30 cây tre, mặc dù bà chỉ yêu cầu chặt đốn 5-6 cây, bà L tự nguyện bồi thường 30 cây vì bà yêu cầu ông H chặt đốn tre. Về giá trị định giá Tòa án đã công bố và xác định giá trị 70.000đ/cây, đối với giá trị này bà L không đồng ý nhưng đây là ý kiến trình bày, không phải yêu cầu và tranh chấp về giá theo kết quả định giá của Tòa án. Vì tình hàng xóm láng giềng, yêu cầu ông M không làm lớn chuyện, nhưng ông không đồng ý nên yêu cầu Tòa giải quyết quyết theo quy định pháp luật, bà L không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 07/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Hồ Văn H trình bày:

Bụi tre của ông M có ngã sang hàng rào nhà, đất của bà L; được biết bà L có bàn bạc với ông M cho phép chặt đốn các cây tre. Ông M đồng ý và đã đốn đốn khoảng 20 cây, gọi là chặt đốn cây lần thứ nhất.

Lần thứ hai, khoảng 3 tháng sau, tre của ông M tiếp tục ngã sang nhà của bà L. Lần này, ông M đồng ý và trực tiếp dẫn dắt ông H cùng với ông Nguyễn Văn B (người làm chung) chỉ dẫn chặt đốn tre. Sau khi được ông M và bà L chỉ dẫn, ông H cùng ông B chặt đốn các cây tre được hai Bn thống nhất. Do đó, theo yêu cầu khởi kiện của Mẫn là không đúng.

Trong thời gian Tòa án giải quyết các Bn đồng ý chặt đốn 30 cây tre của ông M, không đồng ý chặt đốn 106 cây theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 04/01/2023, lý do đây là số liệu kiểm đếm thực tế, không phải 106 hay 111 cây tre như ông M trình bày.

Bản thân ông H là người được bà L thuê chặt đốn tre nên không chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật. Nay, ông H xác định bà L có nhờ chặt đốn tre của ông M và số lượng cây chặt đốn là 30 cây.

Đối với giá trị cây tre do Hội đồng định giá 70.000đ/cây ông H không đồng ý, giá trị cây tre có giá khoảng 30.000đ/cây. Tuy nhiên, không yêu cầu định giá lại hoặc định giá bổ sung để giảm giá các cây tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Nguyễn Văn B vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Bà Huỳnh Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu đối với các đương sự có L quan.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông M yêu cầu bà L bồi thường số tiền 8.000.000đ do chặt, đốn 111 cây tre của ông M. Về tài liệu, chứng cứ bổ sung chứng minh cho yêu cầu

khởi kiện, ông M thống nhất số lượng các cây tre đã kiểm đếm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 và biên bản định giá tài sản ngày 28/02/2023 của Hội đồng định giá.

Ông M có yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho ông L hệ các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền định giá tài sản tranh chấp nhưng Công ty Cổ phần Thẩm định giá Trị Việt đã thông báo từ chối thẩm định giá ngày 15/12/2022 do trường hợp tranh chấp của ông về lĩnh vực giám định, không thuộc trường hợp thẩm định. Ông M tiếp tục yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho ông yêu cầu cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền xác định giá trị tài sản tranh chấp và được Hội đồng định giá xác định giá trị theo biên bản lập ngày 28/02/2023, giá trị 70.000đ/1 cây tre. Bản thân ông M không đồng ý nhưng không cung cấp chứng cứ bổ sung, không yêu cầu định giá, định giá lại tài sản tranh chấp. Tuy nhiên, yêu cầu bà L ông H trên tinh thần tôn trọng sự thật, ghi nhận làm thiệt hại của ông 111 cây tre, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M. Về số lượng các cây tre bị chặt đốn thống nhất theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 04/01/2023 là 30 cây, về giá trị mỗi cây tre là 70.000đ, bà L không đồng ý nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không yêu cầu định giá lại hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức khác thực hiện định giá tài sản tranh chấp. Không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông M.

Ông Hồ Văn H trình bày: Ông có chặt đốn tre của ông M, là do bà L thuê cùng với ông B, chặt đốn 30 cây đúng như biên bản do Tòa án cùng các Bn L quan thống nhất ngày 04/01/2023. Về giá trị cây tre 70.000đ/1 cây là không phù hợp, giá trị mỗi cây tre khoảng 30.000đ/1 cây Ông H không đưa ra yêu cầu độc lập, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không yêu cầu định giá tài sản. Yêu cầu ông M nên xem xét tình làng nghĩa xóm để giải quyết vụ việc.

Ông Nguyễn Văn B và bà Huỳnh Thị S vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Phản tranh luận:

Ông M yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bà L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông M, bà L không đồng ý giá trị 70.000đ/1 cây tre.

Ông H không trình bày tranh luận, yêu cầu ông M nên nghĩ tình làng nghĩa xóm để vụ việc sớm được kết thúc.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền và thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn. Riêng ông Nguyễn Văn B chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án nhận thấy ngày 25/7/2022, bà Nguyễn Thị L có thuê ông Hồ Văn H và ông Nguyễn Văn B chặt một số cây tre của ông Lê Văn M do các cây tre này lấn sang phân đất và nhà của bà L. Ông M xác định ngày 25/7/2022, bà L đã chặt 111 cây tre của ông và yêu cầu bồi thường 8.000.000 đồng, tuy nhiên bà L và ông H (ông B vắng mặt từ khi thụ lý vụ án đến nay) chỉ thừa nhận chặt 30 cây tre của ông M.

Nhận thấy, biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/01/2023 xác định chỉ có 30 cây tre bị chặt trong bụi tre của ông M, căn cứ vào lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định ông M bị thiệt hại 30 cây tre. Kết luận định giá ngày 28/02/2023, xác định mỗi cây tre giá 70.000 đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn đối với 81 cây tre bị chặt là không có cơ sở chấp nhận, chỉ có căn cứ chấp nhận 30 cây tre như trên theo quy định tại Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố LX:

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại cho ông M 30 cây tre với trị giá 70.000 đồng, tổng giá trị là 2.100.000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M, yêu cầu bà L bồi thường thiệt hại cho ông M, với số tiền 5.900.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Văn M, bị đơn bà Nguyễn Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn H có mặt. Riêng ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các thông báo cho các đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ông B vắng mặt, bà S có đơn yêu cầu vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B, bà S.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M yêu cầu bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại với số tiền 8.000.000 đồng, do bà L đã thuê người đốn 111 cây tre nhưng không có sự đồng ý của ông M. Xét yêu cầu của ông M là phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Bà Nguyễn Thị L là bị đơn trong vụ án đang cư trú tại địa chỉ tại xã MH, thành phố LX, tỉnh A nên căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh A.

[3] Về nội dung vụ án: Ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L bồi thường thiệt hại số tiền 8.000.000đ do bà L đã thuê người chặt đốn 111 cây tre do ông M trồng nằm trong phần diện tích đất của ông M. Phía bị đơn bà L không đồng ý, bà L cho rằng việc chặt đốn cây là có sự đồng ý của ông M đồng thời ông H chỉ chặt đốn 5-6 cây, không phải 111 cây tre như ông M trình bày. Ông H xác định có chặt đốn tre của ông M, nhưng thiệt hại không lớn, yêu cầu ông M suy nghĩ tình làng nghĩa xóm giải quyết trên tinh thần thương lượng. Ông B, bà S vắng mặt, không đưa ra yêu cầu đối với đương sự L quan.

[4] Xét các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp được thống nhất tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự và yêu cầu của ông M. Hội đồng xét xử nhận thấy ông M yêu cầu bà L thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tài sản là các cây tre bị thiệt hại với số tiền 8.000.000đ. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh A có sự chứng kiến của các đương sự và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã MH, thành phố LX ngày 04/01/2023 thể hiện, các Bn thống nhất chỉ có 30 cây tre bị chặt đốn, có kích thước chiều dài từ 3-6m, hiện trạng bụi tre kiểm đếm là 106 gốc, mỗi cây tre có độ cao 5-6m, có độ tuổi 10 năm. Các đương sự M, L, H đều thống nhất: Bà L chỉ thuê ông H cùng ông B chặt đốn 30 cây tre của ông M, không đồng ý chặt đốn 106 cây theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 04/01/2023, lý do đây là số liệu kiểm đếm thực tế, không phải ông H cùng với ông B chặt đốn tre của ông M 111 cây. Phía ông M không đồng ý cho rằng ông H và ông B chặt đốn 106 gốc, thiệt hại 111 cây, nhưng ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thiệt hại 111 cây tre và yêu cầu của ông M không được bà L đồng ý nên không có căn cứ buộc bà L chặt đốn 111 cây tre. Do đó, chỉ có căn cứ buộc bà L phải bồi thường thiệt hại tài sản cho ông M 30 cây tre, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông M buộc bà L bồi thường 81 cây tre theo quy định tại Điều 584, 585, Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Về giá trị tài sản bị hư hỏng: Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá thể hiện tại Biên bản định giá tài sản ngày 28/02/2023, Hội đồng định giá xác định: “ 01 bụi tre, qua kiểm đếm được các đương sự thống nhất xác định có độ cao 5-6m, có độ tuổi 10 năm được xác định là loại B được xác định là 70.000đ/1 cây.” ông M không đồng ý với kết quả định giá tài sản, do giá trị 70.000đ/cây tre x 30

cây = 2.100.000đ là chưa đủ số tiền ông M yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông H không đồng ý. Tuy nhiên các đương sự không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ xác định giá trị tài sản (giá trị 1 cây tre) có giá trị hơn hoặc nhỏ hơn 70.000đ. Các Bn không đồng ý giá trị tài sản tranh chấp nhưng không cung cấp được chứng cứ khác, hoặc bổ sung, định giá lại làm thay đổi về giá nên không có căn cứ xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 104 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án thống nhất xác định giá trị tài sản tranh chấp là 70.000đ/cây tre theo kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 28/02/2023 do các đương sự đưa ra giá tài sản khác nhau hoặc không thỏa thuận được giá tài sản.

[6] Từ phân tích nêu trên có căn cứ xác định bà L xâm phạm đến tài sản của ông M đã chặt, đốn 30 cây tre, có giá 70.000đ/1 cây nên buộc bà L bồi thường số tiền 2.100.000đ. Không có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu của ông M buộc bà L bồi thường 81 cây tre với giá 5.900.000đ.

[7] Ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị S vắng mặt, không đưa ra yêu cầu đối với các đương sự có L quan nên không xét đến.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8.1] Đối với ông Lê Văn M: Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M được chấp nhận một phần đối 30 cây tre, có giá trị 2.100.000đ. Ông M là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Về yêu cầu khởi kiện đối với 81 cây tre, có giá trị 5.900.000đ của ông Lê Văn M không được chấp nhận nên phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ. Ông M là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn án phí nên được miễn nộp số tiền 300.000đ.

[8.2] Đối với bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi, lẽ ra được miễn án phí nhưng không có đơn yêu cầu nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L nộp 300.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm có thẩm quyền.

[9] Về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Trong quá giải quyết vụ án, ông M đã tạm ứng số tiền 500.000đ và đã chi theo phiếu chi ngày 04/01/2023. Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà L nộp số tiền 500.000đ tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để hoàn trả cho ông M là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 104, Điều 147; Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với bà Nguyễn Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị L bồi thường thiệt hại 30 cây tre cho ông Lê Văn M với số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu, một trăm ngàn đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M đối với bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị L bồi thường thiệt hại 81 cây tre cho ông Lê Văn M với số tiền 5.900.000 đồng (năm triệu, chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn M được miễn nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 300.000đ tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị L nộp số tiền 500.000đ tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để hoàn trả cho ông Lê Văn M.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông B, bà S vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương